

Số: /TTr-KKT

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc **thẩm định Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán**

Công trình: San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; số 1826/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1); số 2924/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch LCNT (đợt 2) dự án: San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay – tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-KKT ngày 22/7/2021 của BQL Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán các công việc chuẩn bị để lập thiết kế xây dựng công trình: San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2);

Văn bản số 1714/SXD-HTKT ngày 20/9/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị về việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại Khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2);

Căn cứ Báo cáo số 19/BC-TTQH&KĐXD ngày 01/11/2021 của Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng tỉnh Quảng Trị về kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại Khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2);

Căn cứ Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình: San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2) do Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Quảng Trị lập;

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị trình Sở xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN:

1. Tên dự án: San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2).

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:

- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III; Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

3. Chủ đầu tư: BQL Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị.

4. Địa điểm xây dựng: huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 92.345.289.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn đồng./.).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	81.245.882.000 đồng
- Quản lý dự án:	1.944.440.000 đồng
- Tư vấn đầu tư xây dựng:	3.005.441.000 đồng
- Chi phí khác:	706.253.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	5.443.273.000 đồng

6. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 85.000 triệu đồng;
- Nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất tại các Khu kinh tế: 9.000 triệu đồng;

7. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Quảng Trị.

8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng tỉnh Quảng Trị.

9. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- TCVN 4419 - 1987: Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;
- 96TCN 43 - 90: Quy phạm đo vẽ địa hình tỉ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000 và 1:5000;
- 22TCN 263 - 2000: Quy trình khảo sát đường ô tô;
- 22TCN 259 - 2000: Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình;
- TCVN 4045 - 2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCXDVN 104 - 2007: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- 22TCN 211 - 2006: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 8819 - 2011: Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8859 - 2011: Lớp móng CPDD trong kết cấu áo đường ô tô;
- TCVN 9436 - 2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447 - 2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574 - 2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- QCVN 07 - 4:2019/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình đường giao thông;
- QCVN 07 - 2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước;
- TCVN 7957- 2008: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;
- 22TCN 18 - 79: Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn;
Và một số quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác của Việt Nam.

10. Quy mô, giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

10.1. Quy mô

- Tuyến trục chính có chiều dài $L = 557,35\text{m}$.
- Tuyến kết nối có chiều dài $L = 357,03\text{m}$.
- San nền bãi chờ xuất 0,95 ha; Bãi chờ nhập 0,67 ha; Khu công viên 0,36 ha.

10.2. Giải pháp thiết kế:

10.2.1. Tuyến trục chính:

- Mở rộng nền đường giao thông trục chính ngoài phạm vi 100m tính từ đường biên giới Việt Nam - Lào đến Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế La Lay:

+ Từ nền đường đã thi công giai đoạn 1, mở rộng phía trái tuyến bằng nền đường theo quy hoạch được duyệt là 49,5m, bên phải tuyến vượt nền đường nối từ 4,5m đến 49,5m, chiều dài đoạn mở rộng $L = 53\text{m}$.

+ Mái taluy đào phía phải tuyến độ dốc 1/1,5, giạt cơ cao 12m, bề rộng cơ 7m, độ dốc vào rãnh cơ thu nước. Phía trên điều chỉnh mái taluy độ dốc 1/1,25 để mái đào nằm ngoài phạm vi ranh giới 100m tính từ đường biên giới Việt - Lào.

- Hoàn thiện đường giao thông trục chính (*ngoài phạm vi Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế La Lay*):

+ Đầu tư hoàn thiện kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa đường giao thông trục chính theo quy hoạch được duyệt.

- Mô đun đàn hồi Eyc $\geq 140\text{MPa}$. Kết cấu áo đường gồm các lớp:

- + Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày 5cm;
- + Tưới nhựa thấm bám TCN 0,8Kg/m²;
- + Cấp phối đá dăm loại 1 D_{max}=25 dày 20cm;
- + Cấp phối đá dăm loại 1 D_{max}=37,5 dày 30cm;
- + Đắp đất C3 K98 dày 50cm.

- Độ dốc ngang mặt đường: $i=2\%$.

- Xây dựng bó vỉa vỉa hè phía trái trục chính trung tâm:

+ Bó vỉa: Kết cấu bó vỉa vỉa hè bằng bê tông xi măng đúc sẵn lắp ghép M200, kích thước (30x30x100)cm đối với đoạn đường thẳng và kích thước (30x30x50)cm đối với đoạn cong, đệm bó vỉa bằng BTXM dày 5cm M100.

+ Rãnh biên đổ tại chỗ bằng BTXM M200, rộng 30cm, dày 5cm, độ dốc dọc $i=5\%$ hướng vào bó vỉa, cắt khe rãnh biên 3m/1khe.

10.2.2. Tuyến kết nối bãi chờ nhập với đường giao thông trục chính:

- Tim tuyến theo quy hoạch được duyệt, cách tim đường trục chính 129m; bề rộng nền đường 35m, mặt đường 11m, kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa. Chiều dài 357,03m. Độ dốc ngang mặt đường: $i=2\%$.

- Mô đun đàn hồi Eyc ≥ 140 MPa. Kết cấu áo đường gồm các lớp:

- + Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày 5cm;
- + Tưới nhựa thấm bám TCN 0,8Kg/m²;
- + Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax=25 dày 20cm;
- + Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax=37,5 dày 30cm;
- + Đắp đất C3 K98 dày 50cm.

10.2.3. San nền bãi chờ xuất, bãi chờ nhập, khu công viên số 1:

- San nền bãi chờ xuất có diện tích 0,95 ha; Bãi chờ nhập có diện tích 0,67 ha ngoài phạm vi 100m tính từ đường biên giới Việt Nam - Lào về phía đầu tuyến; Khu công viên số 1 có diện tích 0,36 ha.

- Độ dốc ngang san nền 0%.

- Độ chặt đầm nén :

+ Trong phạm vi bãi chờ nhập và bãi chờ xuất san nền với độ chặt $K \geq 0,9$.

+ Trong phạm vi khu công viên số 1 theo quy hoạch san nền với độ chặt $K \geq 0,85$.

- Mái taluy khu vực đào bãi chờ xuất độ dốc 1/1,5, giạt cơ cao 12m, bề rộng cơ 12m, bố trí cơ có độ dốc ra ngoài để thoát nước. Riêng đoạn từ Km11+785,84 về cuối tuyến bố trí cơ có độ dốc hướng vào mái taluy, thu nước đổ vào rãnh cơ chảy về dốc nước tại Km11+785,84.

- Mái taluy khu vực đào bãi chờ nhập độ dốc 1/1,25, giạt cơ cao 12m, bề rộng cơ 3m, bố trí cơ có độ dốc ra ngoài để thoát nước.

10.2.4. Hệ thống thoát nước khu vực cửa khẩu:

a. Thoát nước dọc trên vỉa hè trục đường trung tâm phía trái tuyến tại đoạn Km11+522 ÷ Km11+668 và đoạn Km11+850 ÷ Km11+963 bằng hệ thống ống cống ly tâm D0,6m ÷ D1,5m kết hợp giếng thăm và hố thu thu nước mặt đường đổ về cửa xả ở các đoạn đã đầu tư đúng theo bề rộng nền đường quy hoạch. Hệ thống thoát nước đấu nối với hệ thống thoát nước đang xây dựng của nhà kiểm soát liên hợp.

- Ống cống ly tâm BTCT 01 lưới thép, các đoạn đi ngang qua mặt đường xe chạy dùng loại 02 lưới thép, mỗi đốt cống dài 2,0m hai đầu âm dương.

- Cấu tạo giếng thăm: Các giếng thăm G1 ÷ G3 có Móng, tường bằng bê tông cốt thép B12,5 (M150) dày 20cm đối với giếng thăm G1 ÷ G3; bê tông cốt thép B15 (M200) dày 20cm đối với giếng thăm G4 ÷ G11; móng đặt trên lớp bê tông đệm B12,5 (M150) dày

15cm, dưới đệm lớp dăm sạn dày 10cm. Nắp đáy giếng thăm bằng tấm gang khung dương B125.

- Hồ thu có móng, tường bằng bê tông xi măng B15 (M200), móng được đặt trên lớp đệm dăm sạn dày 5cm.

- Tấm chắn rác bằng tấm bê tông tính năng cao KT(30x96x8)cm.

- Khoảng cách giữa các giếng thăm, hồ thu từ 18m ÷ 40m/1 cái.

- Bố trí cửa xả thoát nước tại lý trình Km11+552, đầu nối với rãnh hiện trạng đã thi công, tường đầu, tường cánh, sân cửa xả bằng BTXM B15 (M200), trên lớp đệm sỏi sạn dày 10cm.

b. Thoát nước dọc bằng hệ thống rãnh dọc gia cố đá hộc xây vữa M100 dày 20cm, trên lớp đệm cát dày 5cm.

- Tại bãi chờ xuất, phần tiếp giáp giữa mái taluy và mặt bãi bố trí rãnh kích thước 50x150x50(cm), phần tiếp giáp giữa rãnh đá hộc đã xây dựng và mặt bãi phía trong từ Km11+682 ÷ Km11+811 bố trí rãnh KT(40x120x40)cm, đoạn cuối nối vào rãnh thoát nước dọc bằng đá hộc xây đã được đầu tư xây dựng ở giai đoạn trước.

- Tại bãi chờ nhập, phần tiếp giáp giữa mái taluy và mặt bãi bố trí KT(40x120x40)cm, đoạn cuối nối vào rãnh thoát nước dọc của tuyến kết nối.

- Tại đoạn nền đường từ nhà liên hợp hải quan đến hết phạm vi thảm mặt đường tại đường biên giới, bố trí rãnh dọc để thu nước từ cuối phía cột mốc đầu nối vào hệ thống thoát nước dọc. Rãnh có kích thước từ (40x120x40)cm đến (100x300x100)cm. Phía phải tuyến nối vào cống bản thoát nước dọc tại Km11+823,56, phía trái tuyến nối vào hồ thu nước tại Km11+963 của hệ thống thoát nước dọc cống ly tâm D600.

c. Cống bản khẩu độ B=2,5m tại Km11+823,56, dài 28m và B=4,0m tại Km11+551,97, dài 28m, đầu nối với rãnh đá hộc thoát nước hiện có.

Cấu tạo: Cống bản đổ tại chỗ, tấm bản bằng BTCT B22,5 (M300), xà mũ bằng BTCT B20 (M250), thân cống bằng BTCT B15 (M200), tường cánh, lòng cống, sân cống bằng BTXM B12,5 (M150), trên lớp đệm dăm sạn 10cm.

d. Cống bản khẩu độ B=0,75m, chiều dài cống 13m, tại tuyến kết nối, lý trình Km0+054,36 để thoát nước khu công viên số 1, nối với dốc nước mái taluy âm thoát ra ngoài.

Cấu tạo: Cống bản đổ tại chỗ, tấm bản lắp ghép. Móng và thân cống bằng BTXM B12,5 (M150), xà mũ bằng BTCT B15 (M200). Hai đầu cống bố trí rãnh chữ nhật đáy tấm đan, tấm đan rãnh bằng BTCT B20 (M250), xà mũ rãnh BTCT B15 (M200), thân và móng rãnh BT B12,5 (M150) trên lớp đệm dăm sạn dày 10cm.

e. Gia cố chống xói lở và ổn định mái taluy:

- Gia cố mái taluy đắp phạm vi giữa tuyến kết nối và bãi xã hội hóa.

- Mái taluy khu vực đắp cao >10m: giạt cơ mái taluy, 8m/1 cơ, bề rộng giạt cơ 3m có bố trí rãnh cơ, mặt cơ và rãnh cơ được gia cố đá chống xói lở. Dốc nước bằng bê tông xi măng thu nước từ rãnh cơ đổ về rãnh dọc chân taluy thoát về hạ lưu. Mái taluy trồng cỏ vetiver chống xói. Chân mái taluy bố trí tường chắn bê tông H=1,5m kết hợp rãnh đá hộc xây thu nước mái taluy.

- Mái taluy dương bãi chờ xuất và tuyến chính (Đoạn Km11+785,84 ÷ Km11+928,77): giạt cơ cao 12m, bề rộng cơ dưới cùng rộng từ 12m về 7m, các cơ trên rộng từ 7m về 5m đảm bảo mái ta luy đào không nằm trong phạm vi đường biên giới 100m. Bố trí rãnh cơ, độ dốc cơ 4% hướng vào rãnh cơ, rãnh cơ gia cố đá hộc xây vữa M100 KT_40x120x40(cm). Bố trí dốc nước thu nước từ rãnh cơ tại Km11+785,84. Dốc nước bằng bê tông xi măng thu nước từ rãnh cơ đổ về rãnh dọc chân taluy đào thoát về hạ lưu.

- Bãi đúc cầu kiện bê tông, đường tạm phục vụ thi công:

+ Kết cấu bãi đúc cầu kiện bê tông: Nền BTXM B12,5 (M150) dày 10cm trên lớp đệm cát dày 5cm.

+ Đường tạm phục vụ thi công mái taluy âm tuyến kết nối, chiều dài L=173,44m, bề rộng nền đường 6,0m, nền đường đất đầm chặt K95.

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng số 19/BC-TTQH&KĐXD ngày 01/11/2021 của Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng tỉnh Quảng Trị.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ (sau thẩm tra).

- Thuyết minh và dự toán xây dựng công trình (sau thẩm tra).

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan: Đảm bảo tuân thủ.

2. Việc lập dự toán xây dựng công trình; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng: Đảm bảo tuân thủ.

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị trình Sở xây dựng tỉnh Quảng Trị thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị với các nội dung nêu trên.

Kính mong sự quan tâm xem xét của Quý Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban; các PTB;
- Phòng QHXD;
- Lưu: VT, BQLDA.

TRƯỞNG BAN

Phạm Ngọc Minh